

PHÁP LỆNH

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ

Để giải quyết đúng pháp luật các vụ án dân sự nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền lợi hợp pháp của công dân, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định thủ tục khởi kiện, điều tra, hoà giải, xét xử các vụ án dân sự.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quyền yêu cầu Toà án bảo vệ quyền lợi hợp pháp.

Công dân, pháp nhân, theo thủ tục do pháp luật quy định, có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Toà án nhân dân bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Điều 2. Quyền tự định đoạt của đương sự.

Người khởi kiện vụ án dân sự có quyền rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung khởi kiện. Các đương sự có quyền tự hoà giải với nhau.

Điều 3. Nghĩa vụ cung cấp, thu thập chứng cứ.

Đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Toà án có nhiệm vụ xem xét mọi tình tiết của vụ án và khi cần thiết có thể thu thập thêm chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác.

Điều 4. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự.

Các đương sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự.

Điều 5. Trách nhiệm hoà giải của Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành hoà giải để giúp các đương sự thoả thuận với nhau về giải quyết vụ án, trừ những trường hợp không hoà giải được hoặc pháp luật quy

định không được hoà giải.

Điều 6. Thẩm phán, hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Khi xét xử, thẩm phán, hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 7. Tiếng nói, chữ viết dùng trong tố tụng dân sự.

Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng dân sự là tiếng Việt.

Công dân các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình và Toà án phải cử người phiên dịch.

Điều 8. Việc tham gia tố tụng dân sự của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân.

Các cơ quan Nhà nước, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc và công dân theo quy định của pháp luật có thể tham gia các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân trước khi khởi kiện, có quyền cung cấp cho Toà án tin tức về vụ án và, tùy trường hợp, giúp đỡ Toà án trong việc hoà giải; có quyền kiến nghị Toà án cấp trên xem xét những việc làm trái pháp luật của Toà án cấp dưới. Toà án phải xem xét, giải quyết và trả lời cho người đã kiến nghị.

Nếu không có người khởi kiện thì Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong phạm vi chức năng của mình có quyền khởi kiện hoặc đề nghị Viện kiểm sát xem xét việc khởi tố vụ án đối với những việc được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Pháp lệnh này.

Điều 9. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo quy định tại các Điều 12, 13a, 13b của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và những quy định của Pháp lệnh này.

CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN

Điều 10. Những việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân.

Các Toà án có thẩm quyền giải quyết các vụ án dân sự sau đây:

1- Những việc tranh chấp về quyền sở hữu, về hợp đồng, về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng hoặc những tranh chấp khác về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự giữa

công dân với nhau, giữa công dân với pháp nhân, giữa pháp nhân với nhau, trừ những việc thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức khác;

2- Những việc về quan hệ hôn nhân và gia đình;

3- Những việc tranh chấp về lao động;

4- Những việc xác định công dân mất tích hoặc đã chết, trừ những trường hợp quân nhân, cán bộ mất tích hoặc chết trong chiến tranh thuộc trách nhiệm giải quyết của các cơ quan hữu quan;

5- Những việc khiếu nại cơ quan hộ tịch về việc từ chối đăng ký hoặc không chấp nhận yêu cầu sửa đổi những điều ghi trong giấy tờ về hộ tịch;

6- Những việc khiếu nại về danh sách cử tri;

7- Những việc khiếu nại cơ quan báo chí về việc không cải chính thông tin có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;

8- Những việc khác do pháp luật quy định.

Điều 11. Thẩm quyền của các Tòa án các cấp.

1- Tòa án cấp huyện giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ án quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này, trừ những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh.

2- Tòa án cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ án sau đây:

a) Khi có đương sự là người nước ngoài hoặc là người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

c) Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện mà Tòa án cấp tỉnh lấy lên để giải quyết.

3- Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án nhân dân tối cao giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp dưới mà Tòa án nhân dân tối cao lấy lên để giải quyết.

Điều 12. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định của cơ quan, tổ chức khác.

Khi xét xử vụ án dân sự, Tòa án có quyền huỷ quyết định rõ ràng trái pháp luật của cơ quan, tổ chức khác xâm phạm quyền lợi hợp pháp của đương sự trong vụ án mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

Điều 13. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ.

1- Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự là Tòa án nơi cư trú hoặc nơi làm việc của bị đơn; nếu bị đơn là pháp nhân thì Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi pháp nhân có trụ sở, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Các đương sự cũng có thể thoả thuận yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết.

2- Tranh chấp bất động sản do Tòa án nơi có bất động sản giải quyết.

Điều 14. Những trường hợp nguyên đơn được lựa chọn Tòa án.

Trong những trường hợp sau đây nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết:

1- Nếu không biết địa chỉ của bị đơn hoặc nếu bị đơn không có nơi cư trú ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có tài sản hoặc cư trú cuối cùng của bị đơn giải quyết;

2- Nếu vụ án phát sinh từ hoạt động của một chi nhánh của pháp nhân thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi pháp nhân có trụ sở hoặc nơi có chi nhánh đó giải quyết;

3- Nếu yêu cầu cấp dưỡng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi cư trú của mình giải quyết;

4- Nếu đòi bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi cư trú của mình, nơi xảy ra việc gây thiệt hại hoặc nơi cư trú của bị đơn giải quyết;

5- Nếu vụ án phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể kiện ở Tòa án nơi cư trú của bị đơn hoặc nơi thực hiện hợp đồng; nếu khi ký kết hợp đồng mà các bên có thoả thuận trước về Tòa án giải quyết việc tranh chấp thì nguyên đơn chỉ được khởi kiện tại Tòa án đó;

6- Nếu các bị đơn có nơi cư trú khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi cư trú của một trong các bị đơn giải quyết.

Điều 15. Chuyển vụ án cho Tòa án khác; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền.

1- Sau khi đã thụ lý vụ án mà thấy vụ án đó không thuộc thẩm quyền của mình thì Tòa án chuyển vụ án cho Tòa án có thẩm quyền.

2- Tranh chấp về thẩm quyền do Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết.

CHƯƠNG III

THÀNH PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.

VIỆC THAY ĐỔI THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN,

KIỂM SÁT VIÊN, THƯ KÝ TOÀ ÁN,

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH, NGƯỜI PHIÊN DỊCH

Điều 16. Thành phần của Hội đồng xét xử.

1- Hội đồng xét xử sơ thẩm hoặc sơ thẩm đồng thời chung thẩm gồm một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân.

2- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba thẩm phán.

3- Hội đồng xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Toà án dân sự Toà án nhân dân tối cao gồm ba thẩm phán.

4- Uỷ ban thẩm phán, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Uỷ ban thẩm phán Toà án nhân dân cấp tỉnh xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những vụ án thuộc thẩm quyền.

Điều 17. Những trường hợp phải thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch.

1- Thẩm phán, hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu:

a) Đồng thời là đương sự, người đại diện hoặc người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người thân thích của đương sự, người làm chứng trong vụ án;

b) Đã là kiểm sát viên, thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch trong vụ án;

c) Đã có lần điều tra, hoà giải, xét xử vụ án, trừ các thành viên của Uỷ ban thẩm phán, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì được tham gia xét xử nhiều lần cùng một vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm;

d) Trong một Hội đồng xét xử mà thẩm phán, hội thẩm nhân dân là người thân thích với nhau;

đ) Có căn cứ cho thấy họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

2- Kiểm sát viên, thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu:

a) Có căn cứ được quy định tại điểm a và điểm đ, khoản 1 Điều này;

b) Họ đã là thẩm phán, hội thẩm nhân dân hoặc người tham gia tố tụng khác trong cùng một vụ án.

Điều 18. Giải quyết việc thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch.

1- Trước khi mở phiên toà, việc thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch do Chánh án Toà án quyết định; việc thay đổi kiểm sát viên do